

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II**  
**MÔN: TOÁN LỚP 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ % điểm	
			TNKQ									Tự luận							
			Nhiều lựa chọn			Đúng - Sai			Trả lời ngắn										
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD		
1	HÀM SỐ VÀ ĐỒ THỊ	Khái niệm cơ bản về hàm số và đồ thị	2			1	1			1						3	2	0	15%
		Hàm số bậc hai, đồ thị hàm số bậc hai và ứng dụng	1			1	1			1						2	2	0	12.5%
		Dấu của tam thức bậc hai. Bất phương trình bậc hai một ẩn	2			1							1			3	1	0	17,5%
		Phương trình quy về phương trình bậc hai	2													2	0	0	5%
2	PHƯƠNG PHÁP TỌA ĐỘ TRONG MẶT PHẪNG	Đường thẳng trong mặt phẳng tọa độ. Phương trình tổng quát và phương trình tham số của	2			1	1							1	3	1	1	20%	

		<i>đường thẳng. Khoảng cách từ một điểm đến một đường thẳng</i>																
		<i>Đường tròn trong mặt phẳng toạ độ và ứng dụng</i>	2				1				1				2	1	1	12.5%
		<i>Ba đường conic trong mặt phẳng toạ độ và ứng dụng</i>	1								1			1	1	0	2	17.5%
Tổng số câu			12	0	0	4	4	0	0	2	2	0	1	2	16	7	4	
Tổng số điểm			3.0	0.0	0.0	1.0	1.0	0.0	0.0	1.0	1.0	0.0	1.0	2.0	4.0	3.0	3.0	
Tỉ lệ %			30			20			20			30			40	30	30	

**BẢN ĐẶC TẢ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II**  
**MÔN TOÁN LỚP 10-KNTT**

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá											
				TNKQ									Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			Đúng - Sai			Trả lời ngắn					
				Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD
1	HÀM SỐ VÀ ĐỒ THỊ	Khái niệm cơ bản về hàm số và đồ thị	<b>Biết :</b> – Nhận biết được những mô hình thực tế (dạng bảng, biểu đồ, công thức) dẫn đến khái niệm hàm số.  <b>Hiểu:</b> – Mô tả được các khái niệm cơ bản về hàm số: định nghĩa hàm số, tập xác định, tập giá trị, hàm số đồng biến, hàm số nghịch biến, đồ thị của hàm số.  – Mô tả được các đặc trưng hình học của đồ thị hàm số đồng biến, hàm số nghịch biến.  <b>Vận dụng:</b> – Vận dụng được kiến thức của hàm số vào giải quyết một số bài toán thực tiễn (ví dụ: xây dựng hàm số bậc nhất trên những khoảng khác nhau để tính số tiền y (phải trả) theo số phút gọi x đối với một gói cước điện thoại,...).	Câu 1,2  TD			Câu 1a TD	Câu 1b GQ			Câu 1 GQ				
		Hàm số bậc hai, đồ thị hàm	<b>Biết :</b> – Nhận biết được các tính chất cơ bản của Parabola như đỉnh, trục đối xứng.	Câu 3 TD			Câu 1c TD	Câu 1d GQ			Câu 2 GQ				

[illegible]

			$\sqrt{ax^2 + bx + c} = \sqrt{dx^2 + ex + f} ;$ $\sqrt{ax^2 + bx + c} = dx + e.$														
2	<b>PHƯƠNG PHÁP TỌA ĐỘ TRONG MẶT PHẪNG</b>	<i>Đường thẳng trong mặt phẳng tọa độ. Phương trình tổng quát và phương trình tham số của đường thẳng. Khoảng cách từ một điểm đến một đường thẳng</i>	<p><b>Biết :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhận biết được hai đường thẳng cắt nhau, song song, trùng nhau, vuông góc với nhau bằng phương pháp tọa độ.</li> </ul> <p><b>Hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Mô tả được phương trình tổng quát và phương trình tham số của đường thẳng trong mặt phẳng tọa độ.</li> <li>Thiết lập được phương trình của đường thẳng trong mặt phẳng khi biết: một điểm và một vector pháp tuyến; biết một điểm và một vector chỉ phương; biết hai điểm.</li> <li>Thiết lập được công thức tính góc giữa hai đường thẳng.</li> <li>Giải thích được mối liên hệ giữa đồ thị hàm số bậc nhất và đường thẳng trong mặt phẳng tọa độ.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tính được khoảng cách từ một điểm đến một đường thẳng bằng phương pháp tọa độ.</li> <li>Vận dụng được kiến thức về phương trình đường thẳng để giải một số bài toán có liên quan đến thực tiễn.</li> </ul>	Câu 8;9 TD													Câu 2 MH
		<i>Đường tròn trong mặt</i>	<b>Biết:</b>	Câu 10;11 TD				Câu 2d GQ					Câu 3 MH				

		<p><i>phẳng toạ độ và ứng dụng</i></p>	<p>- Xác định được tâm và bán kính đường tròn khi biết phương trình của đường tròn.</p> <p><b>Hiểu:</b></p> <p>– Thiết lập được phương trình đường tròn khi biết toạ độ tâm và bán kính; biết toạ độ ba điểm mà đường tròn đi qua;</p> <p>- Xác định được tâm và bán kính đường tròn khi biết phương trình của đường tròn.</p> <p><b>Vận dụng:</b></p> <p>– Thiết lập được phương trình tiếp tuyến của đường tròn khi biết toạ độ của tiếp điểm.</p> <p>– Vận dụng được kiến thức về phương trình đường tròn để giải một số bài toán liên quan đến thực tiễn (ví dụ: bài toán về chuyển động tròn trong Vật lí,...).</p>												
		<p><i>Ba đường conic trong mặt phẳng toạ độ và ứng dụng</i></p>	<p><b>Biết :</b></p> <p>– Nhận biết được ba đường conic bằng hình học.</p> <p>– Nhận biết được phương trình chính tắc của ba đường conic trong mặt phẳng toạ độ.</p> <p><b>Vận dụng:</b></p> <p>– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (gắn) với ba đường conic (ví dụ: giải thích một số hiện tượng trong Quang học,...).</p>	<p>Câu 12 TD</p>								<p>Câu 4 MH</p>			<p>Câu 3 MH</p>

Tổng số câu		12	0	0	4	4	0	0	2	2	0	1	2
Tổng số điểm		3.0	0.0	0.0	1.0	1.0	0.0	0.0	1.0	1.0	0.0	1.0	2.0
Tỉ lệ %		30			20			20			30		